

Bản án số: 30/2019/HNGĐ-ST.

Ngày: 17/4/2019.

Về việc: “Xin ly hôn”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT - TỈNH KIÊN GIANG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Văn An.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/. Ông Nguyễn Thành Thái

2/. Bà Phạm Hồng Gái

Thư ký phiên toà: Bà Đỗ Thị Mộng Trinh - Thư ký toà án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất tham gia phiên toà: Không.

Ngày 17 tháng 4 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử C khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 135/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2019 về việc: “Xin ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2019/QĐST- HNGĐ, ngày 05 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Chị **Võ Thị C**, sinh năm 1979 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Bình Hòa, xã Bình Giang, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

2/ Bị đơn: Anh **Nguyễn Long Đ**, sinh năm 1976 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Bình Hòa, xã Bình Giang, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Võ Thị C trình bày như sau:*

- Về hôn nhân: Chị Võ Thị C và anh Nguyễn Long Đ được gia đình hai bên tổ chức đám cưới vào năm 1997 nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn với nhau. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp được, hai anh chị đã ly thân từ tháng 8 năm 2018 cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không đạt mục

đích, nên chị C yêu cầu Tòa án không C nhận mối quan hệ giữa chị và anh Đ là vợ chồng.

- Về con chung: Quá trình chung sống giữa chị C và anh Đ có 03 người con chung tên cháu Nguyễn Thị Thùy Trang, sinh năm 1998; cháu Nguyễn Thị Huệ, sinh tháng 6/2001 và cháu Nguyễn Trung Hậu, sinh năm 2005. Hiện cháu Trang đã có C việc riêng, tự lo cho bản thân được, còn cháu Huệ và Hậu đang sống cùng chị tại thành phố Hồ Chí Minh. Ly hôn chị C yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Hậu và Huệ đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung. Còn cháu Trang đã lớn nên chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại các bản khai và tại phiên tòa hôm nay anh Nguyễn Long Đ trình bày như sau:*

- Về hôn nhân: Anh Nguyễn Long Đ và chị Võ Thị C được gia đình hai bên tổ chức đám cưới vào năm 1997 và không có đăng ký kết hôn với nhau là đúng. Quá trình chung sống giữa anh chị cũng có phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do chị C hay ghen dẫn đến việc vợ chồng hay cãi vã, cuộc sống vợ chồng không hòa hợp được, anh chị không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau nữa. Nay nếu chị C kiên quyết muốn ly hôn với anh thì anh Đ cũng đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Anh và chị C có với nhau 03 người con chung như chị C trình bày là đúng. Anh C đồng ý giao cháu Huệ và Hậu cho chị C tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, anh không phải cấp dưỡng nhưng nếu có điều kiện anh sẽ phụ giúp chị C nuôi dưỡng chăm sóc các con chung. Còn đối với cháu Trang, hiện đã lớn nếu muốn ở với ai thì ở, anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định vụ án này như sau:

[1] Về thẩm quyền: Đối với tranh chấp về hôn nhân gia đình giữa chị Võ Thị C và anh Nguyễn Long Đ. Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1

Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

[2] Về nội dung vụ án: Chị Võ Thị C và anh Nguyễn Long Đ chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1997, tuy gia đình hai bên có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn và chưa được cơ quan có thẩm quyền nào cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định. Việc này đã vi phạm Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

Tại khoản 1 Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định: ...1. *“Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền (cơ quan đăng ký kết hôn) thực hiện theo nghi thức tại Điều 14 của Luật này. Mọi nghi thức kết hôn không theo nghi thức tại Điều 14 của Luật này đều không có giá trị pháp lý. Nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không được pháp luật C nhận là vợ chồng...”*.

Đồng thời tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: ...1. *“Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý...”*.

Như vậy việc chị C và anh Đ chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1997 nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 và Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó quan hệ hôn nhân giữa chị Võ Thị C và anh Nguyễn Long Đ không có giá trị pháp lý và không được pháp luật C nhận là vợ chồng.

Mặt khác, tại phiên tòa hôm nay cũng như quá trình làm việc tại Tòa án chị C và anh Đ đều trình bày sau khi chung sống với nhau một thời gian thì giữa anh chị phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp được, anh chị không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau nữa. Do đó việc Hội đồng xét xử tuyên bố quan hệ hôn nhân giữa chị C và anh Đ không có giá trị pháp lý là phù hợp với nguyện vọng của các đương sự.

Về con chung: Chị Võ Thị C và anh Nguyễn Long Đ có ba người con chung tên Nguyễn Thị Thùy Trang, sinh năm 1998; Nguyễn Thị Huệ, sinh tháng 6/2001 và Nguyễn Trung Hậu, sinh năm 2005. Ly hôn chị C yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Huệ và Hậu đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi

con chung, còn cháu Trang hiện đã lớn nên chị C không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa hôm nay anh Đ đồng ý với yêu cầu của chị C, anh đồng ý giao cháu Huệ và Hậu để chị C tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung nhưng nếu có điều kiện anh sẽ phụ giúp chị C nuôi dưỡng chăm sóc các con chung. Còn cháu Trang hiện đã lớn nên anh không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. việc này cũng phù hợp với nguyện vọng của các cháu Huệ, cháu Hậu (theo lời trình bày tại bản tự khai các cháu muốn sống với mẹ). Do đó HĐXX ghi nhận sự tự nguyện của anh Đ. Giao các cháu Nguyễn Thị Huệ, sinh tháng 6/2001 và Nguyễn Trung Hậu, sinh năm 2005 cho chị C tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng: Do chị Võ Thị C không yêu cầu nên HĐXX miễn xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên miễn xét.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình: Chị Võ Thị C phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, các Điều 8, Điều 9, Điều 14, Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

- Điều 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc Hội về thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*** Tuyên Xử:**

1/. Về hôn nhân: Tuyên bố không C nhận mối quan hệ hôn nhân giữa chị Võ Thị C và anh Nguyễn Long Đ là vợ chồng.

2/. Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Long Đ đồng ý giao cháu Nguyễn Thị Huệ, sinh tháng 6 năm 2001 và cháu Nguyễn Trung Hậu, sinh năm 2005 cho chị Võ Thị C tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Anh Nguyễn Long Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Võ Thị C không yêu cầu. Riêng đối với cháu Nguyễn Thị Thùy Trang, sinh năm 1998 đã lớn các đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên HĐXX miễn xét.

Anh Nguyễn Long Đ có quyền được thăm nom , chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản theo quy định của pháp luật.

3/. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên miễn xét.

4/. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm : Chị Võ Thị C phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002199 ngày 14/3/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Theo đó chị Võ Thị C không phải nộp thêm.

5/. Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKS huyện Hòn Đất;
- Chi cục THADS huyện Hòn Đất;
- Đương sự; UBND xã;
- Lưu;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn An